

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1296/QĐ-CTBNI**

Bắc Ninh, ngày **01** tháng **04** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Miễn tiền thuê đất cho Dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn, giai đoạn II, tại xã Hoàn Sơn, xã Phất Tích và xã Tri Phương, huyện Tiên Du (đợt 1)

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Quản lý Thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TCT ngày 12/03/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng và Văn phòng thuộc Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 6684/QĐ-CTBNI ngày 29/12/2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh về việc ủy quyền thực hiện công việc cho Phó Cục trưởng;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất của Công ty cổ phần công nghệ Viễn thông Sài Gòn gửi đến Cục Thuế ngày 30/01/2024;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn tiền thuê đất phải nộp cho Công ty cổ phần công nghệ Viễn thông Sài Gòn; Mã số thuế: 0302615063; Địa chỉ trụ sở: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh do thực hiện Dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn, giai đoạn II; Quyết định cho thuê đất số 645/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh; Hợp đồng thuê đất số 06/HĐ-TĐ



ngày 23/01/2024; Nộp tiền thuê đất hàng năm, diện tích 474.045,7 m² (trong đó: Đất xây dựng nhà máy 345.607,2 m², Đất cây xanh mặt nước 61.584,7 m², Đất bãi đỗ xe 4.576,8 m², Đất giao thông 60.628,8 m², Đất công trình đầu mối 1.648,2 m²; Tiền thuê đất tính từ ngày 29/12/2023; Thời hạn thuê đất đến ngày: 14/6/2060.

Tổng số tiền thuê đất được miễn là: **132.086.076.000** đồng

(Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi hai tỉ, không trăm tám mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, không đồng).

Trong đó:

1. Miễn tiền thuê đất do ưu đãi đầu tư đối với diện tích đất xây dựng nhà máy, đất bãi đỗ xe, đất công trình đầu mối theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ (được bổ sung tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/09/2016 của Chính phủ).

- Diện tích được miễn tiền thuê đất: 351.832,2 m².

- Thời gian được miễn tiền thuê đất: từ tháng 02/2024 đến hết tháng 12/2034.

- Số tiền thuê đất được miễn: **61.261.315.858** đồng.

(Tiền thuê đất được xác định theo giá đất tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020-2024 “Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp trong các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thành phố Bắc Ninh” theo Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019; mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 29/5/2020; hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Tiền thuê đất phải nộp một năm là $351.832,2 \text{ m}^2 \times 1.450.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,1 \times 1\% = 5.611.723.590$ đồng).

2. Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đối với diện tích đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong Khu công nghiệp (đất cây xanh mặt nước, đất giao thông) theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Diện tích được miễn tiền thuê đất: 122.213,5 m².

- Thời gian được miễn tiền thuê đất: từ 02/2024 đến hết tháng 05/2060.

- Số tiền thuê đất được miễn: **70.824.760.142** đồng.

(Tiền thuê đất được xác định theo giá đất tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020-2024 “Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp trong các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thành phố Bắc Ninh” theo Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019; mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 29/5/2020; hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Tiền thuê đất phải nộp một năm là $122.213,5 \text{ m}^2 \times 1.450.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,1 \times 1\% = 1.949.305.325 \text{ đồng}$).

BẢNG CHI TIẾT SỐ TIỀN THUÊ ĐẤT ĐƯỢC MIỄN

ST T	Năm miễn	Số tháng miễn	Số tiền được miễn (đồng)	Diện tích (m ²)
I	Miễn do ưu đãi đầu tư	131	61.261.315.858	351.832,20
1	Từ tháng 02/2024 đến hết tháng 12/2024	11	5.144.079.958	
2	Từ tháng 01/2025 đến hết tháng 12/2034	120	56.117.235.900	
II	Miễn cho cả thời gian thuê đất	436	70.824.760.142	122.213,50
1	Từ tháng 02/2024 đến hết tháng 12/2024	11	1.786.863.215	
2	Từ tháng 01/2025 đến hết tháng 12/2059	420	68.225.686.375	
3	Từ tháng 01/2060 đến tháng 05/2060	5	812.210.552	
III	Tổng: (III) = (I) + (II)	567	132.086.076.000	474.045,7

Trường hợp trong quá trình quản lý, sử dụng đất, Dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn, giai đoạn II do Công ty cổ phần công nghệ Viễn thông Sài Gòn làm chủ đầu tư không đáp ứng các điều kiện để được miễn tiền thuê đất có nguyên nhân từ phía người sử dụng đất hoặc sử dụng đất không đúng mục đích đã được ghi tại Quyết định cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất... nhưng không thuộc đối tượng bị thu hồi đất theo quy định của Pháp luật đất đai thì phải thực hiện hoàn trả Ngân sách Nhà nước số tiền thuê đất được miễn và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất được miễn theo quy định của pháp luật về Quản lý Thuế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác; Trưởng phòng Nghiệp vụ - Dự toán – Pháp chế; Trưởng phòng Kế khai và Kế toán thuế; Trưởng phòng Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế; Trưởng phòng Thanh tra –

Kiểm tra thuế số 3 và Công ty cổ phần công nghệ Viễn thông Sài Gòn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Cục trưởng (Báo cáo);
- PCT Nguyễn Văn Vĩnh;
- Lưu: VT, HKDCN (ntttam-02;05). /s/

KT CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC THUẾ
TỈNH BẮC BÌNH
TỔNG CỤC THUẾ
Nguyễn Văn Vĩnh